

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG**NGHIÊN CỨU TÁI THIẾT CHIÊU KÍNH ĐIỆN
(THÁI MIẾU - HOÀNG THÀNH HUẾ)**

Lê Vĩnh An*
Nguyễn Tiến Bình**

I. Giới thiệu khái quát về công trình Chiêu Kính Điện

Chiêu Kính Điện tọa lạc trong khu vực Thái Miếu - Hoàng Thành Huế, thuộc quần thể di tích cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. Hiện nay, toàn bộ phần khung gỗ và hệ mái đã bị mất, chỉ còn lại phế tích nền móng. Dựa vào thông tin sử liệu và sự hiện hữu của các phế tích nền móng kiến trúc còn lại trong khu vực Thái Miếu cho phép hiểu rằng trước đây đã từng tồn tại những cặp công trình đồng dạng (cùng hình thức kiến trúc), đồng quy mô (cùng quy mô kiến trúc) hai bên công trình Thái Tổ Miếu. Những nguồn sử liệu tra cứu được và tài liệu khảo sát hiện trạng hiện nay đã cung cấp rất nhiều thông tin hữu ích cho việc nghiên cứu tái thiết di tích kiến trúc này.

Chiêu Kính Điện được xây dựng vào năm Gia Long thứ 3 (1804) với tên gọi đầu tiên là Tả Tế Sở, đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832) được đổi tên là Chiêu Kính Điện, dùng làm nơi thiết soạn lễ vật trong ngày kỵ các tiên đế - tiên hậu, công trình đã bị thiêu hủy vào năm 1947 trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Chiêu Kính Điện là công trình kiến trúc kiểu phương gia (mặt bằng hình vuông), có diện tích mặt bằng 194m², quy mô một gian hai chái kép, hệ khung chịu lực bằng gỗ, hệ mái 2 tầng gồm 8 mái hợp thành, lợp ngói Hoàng lưu ly (ngói tráng men vàng), mặt đứng chính hướng nam, tọa lạc bên trái phía trước của Thái Tổ Miếu (kiến trúc chính của khu vực Thái Miếu) với chức năng là công trình phối thuộc của kiến trúc chính này.

Dự án trùng tu Long Đức Điện (hoàn thành năm 2010) đã khẳng định đây là một công trình còn mang đậm kỹ thuật kiến trúc gỗ cổ đại được tìm thấy ở di tích Huế. Ví dụ như kỹ thuật thu thách cột (thượng thu-hạ thách), kỹ thuật gia tăng chiều cao cột để tạo độ réo mái (độ cong của mái), kỹ thuật tạo độ võng mặt nền (mặt nền lõm). Kỹ thuật kiến trúc này tương tự một dạng kỹ thuật kiến trúc gỗ cổ đại của Nhật Bản (có nguồn gốc sâu xa từ tập quán cư trú của cư dân vùng Đông Á) còn được lưu giữ tại cung điện triều Nguyễn Việt Nam thế kỷ 19. Dựa trên kết quả khảo sát đo đạc cả hai công trình này, điều xác định được rõ ràng là vị trí, kích cỡ nền móng và đá tán của Chiêu Kính Điện hoàn toàn giống với Long Đức Điện. Kết hợp với kết quả nghiên cứu tư liệu sử, kết quả khảo cổ học nền móng kiến trúc, có thể đưa ra giả thuyết rằng cấu trúc phía trên của công trình Chiêu Kính Điện hoàn toàn giống với công trình

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

** Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Bộ Xây dựng.

Long Đức Điện. Do đó, công tác nghiên cứu tái thiết Chiêu Kinh Điện không chỉ nhằm cung cấp tư liệu cho dự án tái thiết công trình này mà còn nhằm tới việc phục dựng lại một phương pháp thiết kế kiến trúc giai đoạn đầu của triều Nguyễn dựa trên hình mẫu và thành quả nghiên cứu trùng tu một công trình đồng dạng hiện nay là công trình Long Đức Điện.

II. Sự cần thiết của công tác nghiên cứu tái thiết

Phế tích nền móng hiện còn của Chiêu Kinh Điện và nhiều công trình di tích kiến trúc khác là chứng cứ quan trọng cho các dự án trùng tu, tái thiết di sản. Tuy nhiên trong một thời gian dài kể từ năm 1947 đến nay, phế tích nền móng này chưa được quan tâm đúng mức, tồn tại ngoài trời trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt ở Huế qua thời gian đã bị xuống cấp, hư hỏng và có xu hướng bị biến dạng. Do đó việc bảo tồn những chứng cứ vật chất quan trọng này thông qua các dự án trùng tu, tái thiết di sản là một phương pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Mặt khác, mục tiêu xuyên suốt của chương trình hợp tác quốc tế về nghiên cứu bảo tồn quần thể di sản kiến trúc Huế giữa Viện Di sản Waseda - Nhật Bản và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế - Việt Nam là nhằm hướng tới dự án tái thiết Cần Chánh Điện (Tử Cấm Thành - Hoàng Thành Huế), đây là dự án trọng điểm mang tầm cỡ quốc gia nên mọi sự chuẩn bị kỹ lưỡng và thận trọng. Phương pháp luận nghiên cứu tái thiết Cần Chánh Điện được xác lập trên cơ sở nghiên cứu đa ngành, trong đó Thái Hòa Điện là công trình được



Hình 1. Mối quan hệ giữa 2 cặp công trình Thái Hòa-Cần Chánh Điện và Long Đức-Chiêu Kinh Điện.

lựa chọn để thực hiện các nghiên cứu đối sánh. Cần Chánh Điện và Thái Hòa Điện là cặp công trình đồng đại (cùng niên đại), đồng dạng (cùng hình thức), đồng chủng (cùng thể loại trùng thiềm điệp ốc) và đồng trục (cùng bố trí trên trục chính của Hoàng Thành), Thái Hòa Điện là công trình hiện còn và Cần Chánh Điện là công trình đã mất (chỉ còn lại nền móng). Tương tự như vậy, Long Đức Điện và Chiêu Kính Điện ở khu vực Thái Miếu là cặp công trình đồng đại, đồng dạng, đồng chủng, đồng thức và đồng trục, Long Đức Điện là công trình hiện còn và Chiêu Kính Điện là công trình đã mất (chỉ còn lại nền móng). Xét về quy mô thì cặp công trình này nhỏ hơn rất nhiều so với Thái Hòa Điện và Cần Chánh Điện, tuy nhiên xét về tính chất và điều kiện tái thiết thì có nhiều điểm tương đồng, nhất là cả 4 công trình này đều được xây dựng vào đầu triều Nguyễn (thời Gia Long). Do đó, việc lựa chọn Long Đức Điện để trùng tu và thông qua đó thực nghiệm nghiên cứu tái thiết Chiêu Kính Điện là xác đáng nhằm đúc rút kiến thức và kinh nghiệm cho dự án tái thiết Cần Chánh Điện sau này (hình 1).

III. Các kết quả nghiên cứu

1. Kết quả nghiên cứu tư liệu sử

1.1. Vị trí công trình

Thái Miếu nằm ở góc đông nam phía trong Hoàng Thành, cấu thành bởi 2 khu vực chính là cụm kiến trúc Thái Tổ Miếu và Triệu Tổ Miếu, đều hướng nam. Trong khu vực Hoàng Thành, Thái Hòa Điện ở vị trí trung tâm, Thái Miếu nằm phía bên trái đối xứng với Thế Miếu nằm phía bên phải theo nguyên tắc “Tả Tổ Hữu Xả” (phía tả/trái thờ Tổ tiên, phía hữu/phải thờ Xả tắc) của phương pháp quy hoạch kinh đô truyền thống phương Đông. Vì vậy Thái Miếu còn được gọi là Tả Miếu hay Tả Tổ Miếu (hình 2).

Chiêu Kính Điện là công trình phối thuộc nằm trong cụm kiến trúc Thái Tổ Miếu, có quan về hệ trục với công trình Long Đức Điện và quan hệ đối xứng với công trình Mục Tư Điện qua trục chính của Thái Tổ Miếu theo nguyên tắc “Tả Chiêu Hữu Mục” (hình 2). Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* có ghi: “Long Đức Điện ở bên tả nhà Thái Miếu..., trước sân Thái Miếu về bên tả, dựng Chiêu Kính Điện..., về bên hữu dựng Mục Tư Điện...”.⁽¹⁾ Cũng trong nguồn sử liệu này có ghi: “... bên đông miếu là Long Đức Điện, bên nam là Chiêu Kính Điện, bên tây cùng đối diện với Chiêu Kính Điện là Mục Tư Điện, mái chồng, lợp ngói lưu ly vàng, hướng nam. Phía bắc Mục Tư Điện có nhà vuông, mái chồng lợp ngói âm dương làm chỗ thờ thổ công”.⁽²⁾ Sách *Đại Nam thực lục* cũng mô tả: “Thái Miếu nhà chính và nhà trước đều 13 gian 2 chái, hai nhà vuông, hai Tế Sở tả hữu ... Nhà vuông bên tả nay là Long Đức Điện, Tế Sở bên tả nay là Chiêu Kính Điện, Tế Sở bên hữu nay là Mục Tư Điện, Mục Thanh Các nay là Tuy Thành Các”.⁽³⁾

Như vậy, vị trí tọa lạc và sự quan hệ giữa các yếu tố Chủ/Phối của các công trình kiến trúc trong khu vực Thái Tổ Miếu từ thông tin sử liệu là thống nhất. Trong đó, Thái Tổ Miếu là yếu tố kiến trúc chủ và các công trình còn lại là các yếu tố phối thuộc. Chiêu Kính Điện là một trong những công trình phối thuộc, tọa lạc ở vị trí phía trước bên trái (mặt đông) của Thái Tổ Miếu và nằm



Hình 2. Vị trí Chiêu Kính Điện và Long Đức Điện trong khu vực Thái Miếu-Hoàng Thành Huế.

phía trước (mặt nam) của công trình Long Đức Điện. Đối xứng với Long Đức Điện và Chiêu Kính Điện qua trục của Thái Tổ Miếu (về mặt tây) theo thứ tự là Thổ Công Từ và Mục Tư Điện, ở vị trí trung tâm phía trước Thái Tổ Miếu là Tuy Thành Các. Trên phương diện quy hoạch mặt bằng tổng thể, ngoại trừ các cổng, cụm kiến trúc khu vực Thái Tổ Miếu (giới hạn từ Tuy Thành Các đến bức tường phía sau của Thái Tổ Miếu) gồm có 6 công trình được phân bố trên 3 trục, trên trục trung tâm phối trí công trình Thái Tổ Miếu và Tuy Thành Các, trên 2 trục còn lại phối trí các công trình đối xứng theo cặp: Long Đức Điện - Thổ Công Từ và Chiêu Kính Điện - Mục Tư Điện (hình 3).

Nguồn sử liệu hiếm hoi này đã cung cấp những thông tin quý giá liên quan đến vị trí, hình thức kiến trúc, vật liệu lợp mái và hướng của 4 công trình phối thuộc nêu trên. Theo đó, 3 công trình là Long Đức Điện, Chiêu Kính Điện, Mục Tư Điện đều có hình thức “trùng diêm” (mái chồng), lợp “Hoàng lưu ly ngõa” (ngói Hoàng lưu ly) và đều quay về hướng nam. Riêng công trình “Phương gia” được lợp ngói Âm-Dương, cũng quay về hướng nam dùng để làm nơi thờ Thổ Công nên được gọi là Thổ Công Từ.

1.2. Lịch sử xây dựng và tu bổ

Lịch sử xây dựng và tu bổ của công trình Chiêu Kính Điện cũng như các công trình phối thuộc khác đều gắn liền với lịch sử xây dựng và tu bổ khu vực Thái Miếu. Về quá trình xây dựng và tu sửa Thái Miếu, dựa theo các nguồn sử liệu có được, chúng tôi tạm chia ra các giai đoạn chính như sau:

bên tả, bên hữu đều xây đắp chầu hoa, mỗi chầu ba thước”,⁽¹³⁾ và lát sân và đường bằng gạch ở phía ngoài cửa Thái Miếu và Thế Miếu.⁽¹⁴⁾ Cũng trong năm này, triều đình còn cho tu bổ và đổi tên một loạt các công trình: “Lại chỉ truyền điện vuông bên tả Thái Miếu chuẩn cho sửa sang thêm, lợp lại bằng ngói lưu ly vàng...”,⁽¹⁵⁾ đổi tên Tả Phương Đường thành Long Đức Điện, Hữu Phương Đường thành Thổ Công Từ, Tả Tế Sở thành Chiêu Kính Điện và Hữu Tế Sở thành Mục Tư Điện. Minh Mạng thứ 14 (1833) nhà vua cho rằng Thái Miếu là nơi tôn nghiêm, nên theo điển cũ của triều Tống, Minh, Thanh (Trung Quốc) cho bày các cây kích ở cửa để trông vào cho nghiêm túc.⁽¹⁶⁾ Minh Mạng năm thứ 18 (1837), tu bổ nhà giữa đằng trước Thái Miếu và các tòa nhà thờ phụ bên tả bên hữu Diên Hy Môn và Chiêu Kính Điện.⁽¹⁷⁾ Minh Mạng năm thứ 20 (1839), cho tô vẽ hương án nhà Thái Miếu và các bức thiên hoa ở nhà giữa đằng trước.⁽¹⁸⁾

- Thời Thiệu Trị (1841-1847), năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), lợp lại ngói kiểu mới ở Thái Miếu, Triệu Miếu.⁽¹⁹⁾ Thiệu Trị thứ 3 (1843) cho sửa chữa Thái Miếu, đường sống nóc (bờ nóc) nhà chính giữa và nhà giữa đằng trước (chính điện và tiền điện) dùng hình ảnh con rồng làm bằng men sứ để trang trí, đường sống ở góc (bờ quyết) thay cho hình con giao long bằng men sứ. Đồng thời, trong đợt này, triều đình cho sửa chữa Tuy Thành Các, Mục Tư Điện, Diên Hy Môn, Chiêu Kính Điện và các tòa nhà thờ phụ bên tả /hữu Thái Miếu.⁽²⁰⁾

- Thời Hàm Nghi (1884-1885), năm Hàm Nghi thứ 1 (1885) triều đình cho “triệt Tuy Thành Các ở nhà Thái Miếu (công trình này dựng từ thời Gia Long ở trước sân Thái Miếu, có 2 tầng, tầng giữa và tầng trên có đặt án thư và giường ngồi, đến nay đã lâu ngày, tài liệu hư nát cả nên chuẩn cho triệt xuống, xếp vào xưởng tượng quân đội làm)”.⁽²¹⁾

- Thời Thành Thái (1889-1907), năm Thành Thái thứ 12 (1900), Thái Miếu cùng các công trình Long Đức Điện, Chiêu Kính Điện, Mục Tư Điện đều được trùng tu.⁽²²⁾

- Lần cuối cùng dưới triều Nguyễn (1802-1945) Thái Miếu được trùng tu là vào năm Khải Định thứ 8 (1923).⁽²³⁾ Các hạng mục trùng tu trong đợt này cho đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm thấy tư liệu lịch sử nào đề cập.

Như vậy, 4 công trình Tả Phương Đường, Hữu Phương Đường, Tả Tế Sở và Hữu Tế Sở đã được xây dựng vào cùng năm Gia Long thứ 3 (1804), đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832) các công trình này được chỉnh trang tu bổ và đổi tên: Tả Phương Đường được đổi tên thành Long Đức Điện, Hữu Phương Đường thành Thổ Công Từ, Tả Tế Sở thành Chiêu Kính Điện và Hữu Tế Sở thành Mục Tư Điện. Đến thời Thiệu Trị và Thành Thái, cùng với việc tu sửa Thái Miếu, các công trình này cũng đã được chỉnh trang tu sửa lại.

1.3. Vai trò và chức năng công trình

Về chức năng của các công trình này, sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* có ghi: “Long Đức Điện ở bên tả nhà Thái Miếu để hàng năm gặp ngày kỵ Thái Tổ Gia Du Hoàng Đế và Hoàng hậu thì kính bày, làm lễ ở đấy. Trước sân Thái Miếu về bên tả, dựng Chiêu Kính Điện, bày đủ 4 án về bên tả để làm lễ kỵ các tiên đế và tiên hậu. Về bên hữu dựng Mục Tư Điện, bày đủ 4 án về bên hữu để làm lễ kỵ các tiên đế và tiên hậu. Từ nay về sau theo làm phép nhất định

truyền mãi lâu dài”.⁽²⁴⁾ Cũng từ nguồn sử liệu này có mô tả: “Miếu Thái Tổ nền cao 1 thước 5 tấc, chính điện 13 gian, tiền điện 15 gian 2 chái bên đông, bên tây xà chông, mái chông, đầu đao mép rồng, nóc đỉnh ngọc châu vàng, lợp ngói lưu ly vàng... Bên đông miếu là Long Đức Điện, bên nam là Chiêu Kính Điện, bên tây cùng đối diện với Chiêu Kính Điện là Mục Tư Điện. Bên tả tường miếu là cửa Hiển Thừa, bên hữu là cửa Túc Tướng hướng đông và hướng tây”.⁽²⁵⁾

Căn cứ vào các nguồn tư liệu lịch sử nêu trên thì Chiêu Kính Điện được xây dựng vào năm Gia Long thứ 3 (1804) có tên là Tả Tế Sở, đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832) được đổi tên thành Chiêu Kính Điện. Công trình này được tu sửa vào các năm 1832 (Minh Mạng thứ 13); 1837 (Minh Mạng thứ 18); 1843 (Thiệu Trị thứ 3) và cuối cùng là năm Thành Thái 12 (1900).

Về chức năng của Chiêu Kính Điện và các công trình đồng dạng, có thể đúc kết thông tin từ những nguồn sử liệu như sau: Tả Phương Đường (Long Đức Điện) là nơi thiết soạn chuẩn bị lễ cúng cho Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1600-1613) và Hoàng hậu; Hữu Phương Đường là nơi bày soạn lễ vật chuẩn bị cho lễ cúng Thổ thần đất đai; Tả Tế Sở (Chiêu Kính Điện) là nơi thiết bày lễ vật chuẩn bị lễ cúng các tiên đế: Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635); Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648); Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687); Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Thái (1687-1691) và các Hoàng hậu; tương tự Hữu Tế Sở (Mục Tư Điện) là nơi bày soạn chuẩn bị lễ cúng Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725); Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ (1725-1738); Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765); Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777) và các Hoàng hậu. Như vậy, một điểm giống nhau về chức năng của 3 công trình Long Đức Điện, Chiêu Kính Điện và Mục Tư Điện là nơi thiết soạn lễ vật trong lễ cúng các bậc tiên đế và tiên hậu. Riêng Thổ Công Từ là nơi thờ cúng Thổ thần đất đai.

Tổng hợp các thông tin sử liệu nêu trên thì 4 công trình này có cùng niên đại xây dựng là năm Gia Long thứ 3 (1804), có chức năng và hình thức kiến trúc tương đồng. Đây là **cơ sở thứ nhất (I)** về niên đại (**đồng đại**), chức năng (**đồng đẳng**), hình thức kiến trúc (**đồng dạng**) và hướng công trình (**đồng hướng**) cho việc nghiên cứu tái thiết Chiêu Kính Điện.

Lý giải vì sao đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832) nhà vua cho đổi tên Hữu Phương Đường thành Long Đức Điện, Tả Tế Sở thành Chiêu Kính Điện, Hữu Tế Sở thành Mục Tư Điện, chúng tôi cho rằng đến thời điểm này vua Minh Mạng đã ý thức được rằng tại lăng của các bậc tiên đế, tiên hậu (các chúa) chưa có kiến trúc điện làm nơi để thiết soạn lễ vật chuẩn bị cho các lễ kỵ giỗ một cách nghiêm trang (theo nghi lễ thờ cúng của triều Nguyễn thì lễ vật, thức ăn không được bày biện trong miếu thờ nên phải có nơi thiết soạn riêng để tránh ô uế nơi linh thiêng), vì vậy ông đã cho chỉnh trang nâng cấp đồng thời đổi tên cho các công trình này thành điện nhằm tôn vinh, tỏ rõ sự thành kính đối với công đức của các bậc tiên nhân.

2. Kết quả khảo sát nền móng kiến trúc

2.1. Khái quát hiện trạng

Theo kết quả thám sát khảo cổ học thì phế tích nền móng kiến trúc Chiêu Kính Điện ở vị trí phía đông của Thái Miếu và phía trước Long Đức Điện, điều

này hoàn toàn trùng khớp với thông tin sử liệu. Trục và hướng của công trình này trùng khớp với trục và hướng của Long Đức Điện (trục bắc-nam, hướng nam). Nền móng của Chiêu Kinh Điện hiện còn, được cấu thành bởi các chân đá tán, đá bậc cấp (mặt trước), đá vỉa nền, móng gạch bó vỉa và một vài mảng gạch Bát Tràng lát nền còn sót lại ở góc đông bắc, đông nam, tây nam (loại gạch có kích thước 0,30mx0,30m, dày 0,06m).



Hình 4. Hiện trạng nền móng Chiêu Kinh Điện và vị trí các hố khảo cổ.

Hàng đá tán dọc các vỉa móng có hình chữ nhật, kích thước 0,35m x 0,78m, dày 0,27m được đặt trùng khít với hàng gạch bó vỉa, vị trí các chân đá tán này tương đối ổn định. Các chân đá tán ở trong nền điện có hình vuông mỗi cạnh dao động từ 0,35m đến 0,40m, trong số này có một vài viên đã bị mất, một vài viên đã bị dịch chuyển sai với vị trí ban đầu; Hầu hết gạch lát nền đã bị bóc dỡ, số còn lại không còn nguyên vẹn, xung quanh nền móng tìm thấy một vài mẫu

ngói vỡ, đây có thể là phế tích còn sót lại sau khi công trình bị sụp đổ hoặc hạ giải. Mặt nền hiện tại là lớp đất laterit dày 0,15m, bên dưới là lớp cát gia cố nền, phần ở giữa nền đã bị đào bới và hiện được lấp lại bằng các loại gạch vỡ (hình 4).

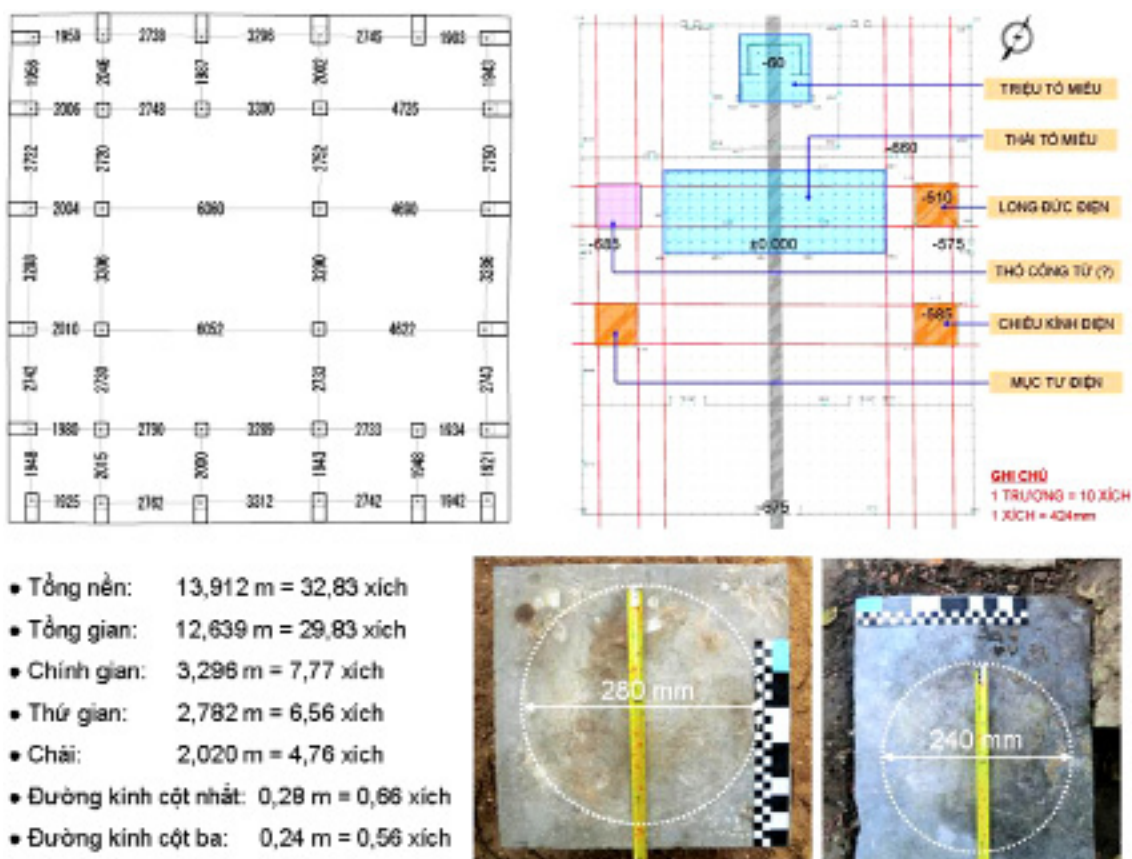
2.2. Quy mô và trục hướng công trình

Chiêu Kinh Điện có mặt bằng hình vuông theo thức “Phương gia”, kích thước tổng nền đo được mỗi cạnh là 13,912m, tọa lạc ở vị trí phía trước bên trái Thái Tổ Miếu và ngay phía trước cùng trục với Long Đức Điện. Mặt nam của nền móng hiện tồn có 3 bậc cấp lên xuống và dấu tích móng của sân phía trước, ba mặt đông-tây-bắc hoàn toàn không có bậc cấp và sân. Như vậy, công trình này có trục chính là trục bắc-nam và quay mặt về hướng nam. Đây là thông tin quan trọng một lần nữa được khẳng định thông qua công tác thám sát khảo cổ học (hình 5).

2.3. Mối tương quan vị trí giữa các yếu tố Chủ/Phối

Căn cứ trên kết quả trắc đạc bằng máy Toàn đạc quang tuyến (Optimal Measurement Machine) đối với toàn bộ khu vực Thái Miếu, dùng phương pháp chia lưới trượng (1 trượng = 10 xích = 4,240m) áp dụng để phân tích mối tương quan về vị trí giữa các công trình hiện còn và phế tích nền móng các công trình phối thuộc, kết quả cho thấy như sau:

- Từ trục trượng trung tâm của khu vực đi qua gian giữa Thái Tổ Miếu, thẳng hướng nam đến Thái Miếu Môn thì trùng khít với gian giữa của Thái Miếu Môn, thẳng hướng bắc đến Triệu Tổ Miếu thì trùng với gian giữa của



Hình 5. Mặt bằng thực trắc nền móng Chiêu Kính Điện và mặt bằng phân tích lưới tượng khu vực Thái Miếu.

Triệu Tổ Miếu. Như vậy có thể nhận định đây là trục tượng chuẩn (trục chủ) làm cơ sở để quy hoạch vị trí của các công trình còn lại.

- Từ trục chủ này phát triển về bên tả (hướng đông) và bên hữu (hướng tây) mỗi bên 8 tượng thì trùng với mép nền hai bên của Thái Tổ Miếu. Như vậy, quy mô bề ngang (lòng xuyên) của nền Thái Tổ Miếu sẽ là 17 tượng.

- Từ tượng thứ 8 này phát triển ra bên tả và bên hữu mỗi bên 2 tượng sẽ là mép nền/tim hàng cột ngoài cùng của các cặp công trình đồng dạng là Long Đức Điện - Thổ Công Tử; Chiêu Kính Điện - Mục Tư Điện. Nền của các công trình này được ấn định trong khoảng 3 tượng vuông mỗi cạnh $4,240 \times 3 = 12,720 \text{m}$, kích thước này tương đương với kích thước tổng gian của Long Đức Điện ($=12,567 \text{m}$) và Chiêu Kính Điện ($=12,639 \text{m}$) theo kết quả thực trắc nền móng hiện tồn.

- Từ mép nền phía trước (hướng nam) của Thái Tổ Miếu phát triển về hướng nam 4 tượng sẽ là mép nền/tim hàng cột ngoài cùng của Chiêu Kính Điện và Mục Tư Điện, từ mép sau của 2 công trình này phát triển về hướng bắc 6 tượng sẽ là mép nền/tim hàng cột ngoài cùng (mặt nam) của Long Đức Điện và Thổ Công Tử. Trên thực tế vị trí của các công trình có xê dịch đôi chút với kết quả phân tích nêu trên, tuy nhiên có thể hiểu rằng nguyên nhân có thể là

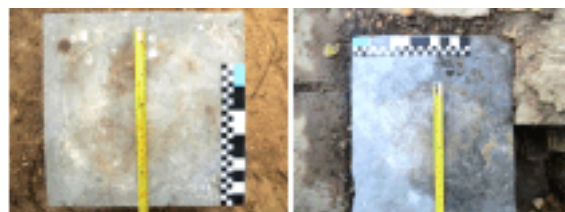
do sai số bởi phương pháp thi công truyền thống trước đây và hiện tượng trôi nền do lũ lụt và quá trình bồi đắp tự nhiên.

2.4. Các chân đá tán và lưới cột

Tổng số chân đá tán còn lại là 36 viên được phân thành 2 loại: Loại 1 có hình chữ nhật (kích thước trung bình $0,35\text{m} \times 0,78\text{m}$, dày $0,27\text{m}$) được đặt trùng khít với hàng gạch bó vỉa vừa đảm nhiệm chức năng đá tán, vừa tham gia kết cấu móng bó vỉa nên vị trí tương đối ổn định; Loại 2 có hình vuông (kích thước trung bình $0,36\text{m} \times 0,36\text{m}$, dày $0,27\text{m}$), trong đó có 2 viên dị chủng (có lỗ tròn ở giữa, có thể đây là đá tán của cột cờ hoặc cọc tàn lọng), 2 viên nằm nổi trên mặt nền có hình thức và kích thước tương đồng với các viên còn lại, đây có thể là 2 viên đá tán hàng nhất (đã bị đào bật ra khỏi vị trí trong những xáo trộn trước đây), trên bề mặt có dấu tích đường kính cột đo được là khoảng từ 270-280mm. Một vài vị trí đá tán góc quyết cũng có dấu tích đường kính cột, đo được là 240mm (hình 6, 7).

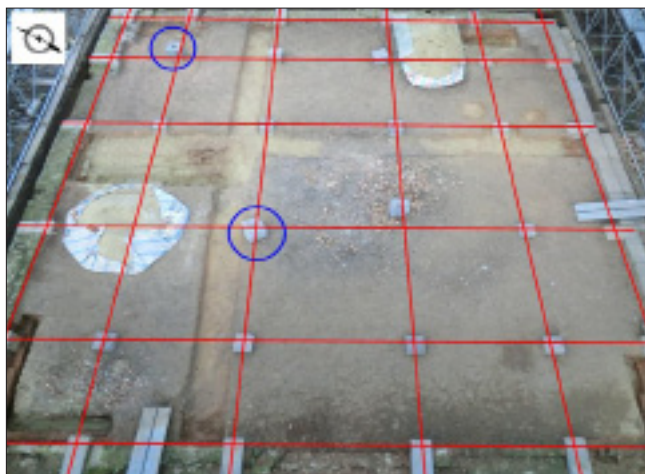


Hình 6. Các loại đá tán hiện tồn trong nền móng Chiêu Kinh Điện.



Hình 7. Dấu tích đường kính cột trên bề mặt đá tán.

Các chân đá tán này được phối trí theo hàng tạo nên hệ thống lưới cột, từ đông sang tây 6 hàng và từ nam qua bắc 6 hàng, tạo nên mặt bằng lưới hình vuông mỗi cạnh dài 12,639m. Kích thước trung bình của chính gian (gian giữa) là 3,296m, thứ gian (hai gian bên) là 2,782m và chái (2 chái đông-tây) là 2,020m. Trên thực tế, các chân đá tán ít nhiều đã lệch so với trục nguyên thủy, việc xác định kích thước gian (thể hiện qua lưới cột) dựa vào giá trị trung bình của khoảng cách tìm-tìm các viên đá tán theo từng hàng (hình 8).

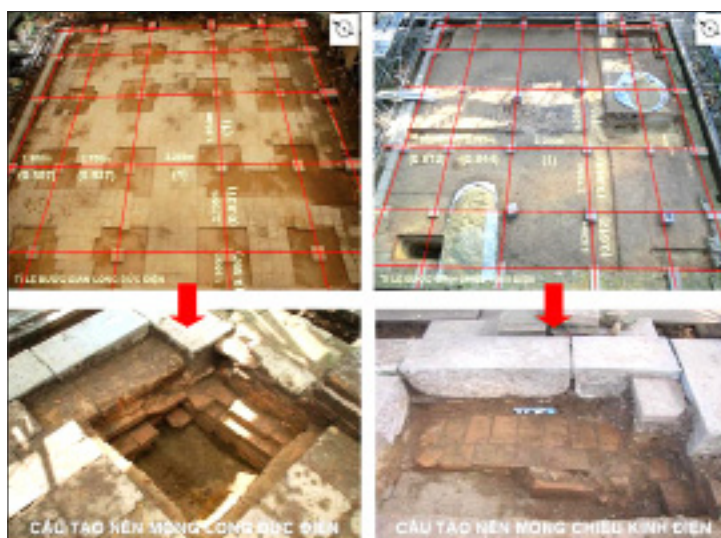


H 8. Phân bố lưới cột và các chân đá tán Chiêu Kinh Điện.

Như vậy, dựa trên mặt bằng lưới cột có thể kết luận: Cấu trúc hệ khung gỗ Chiêu Kinh Điện gồm 36 cây cột, mỗi bộ vì có 6 hàng cột, trong đó có 4 cột hàng nhất, 12 cột hàng nhì và 20 cột hàng ba. Dấu tích đường kính cột hiện hữu trên bề mặt đá tán lớn nhất đo được là 270-280mm tương ứng với đường kính cột hàng nhất và hàng nhì, nhỏ nhất là 240mm tương ứng với đường kính cột hàng ba. Đây là cơ sở quan trọng cho việc phục hồi các cây cột gỗ Chiêu Kinh Điện.

2.5. Móng bó vữa và kỹ thuật gia cố nền

Ba mặt móng (đông-tây-bắc) của Chiêu Kính Điện có quy thức tương tự nhau (cùng kỹ thuật xây dựng). Móng bó vữa được xây bằng gạch vồ, chiều rộng móng là 0,62m, phần nổi trên mặt đất gồm 6 lớp gạch dày 0,35m, phần chìm dưới đất gồm 4 lớp gạch dày 0,22m, tổng chiều cao móng là 0,57m. Về cơ bản, móng bó vữa mặt nam cũng tương tự 3 mặt móng còn lại, tuy nhiên do là mặt trước của công trình (mặt này không có tường bao) nên bề mặt móng (thêm) có hàng đá Thanh tham gia bó vữa và có 3 bậc cấp cũng bằng đá Thanh, chỉ có điểm khác biệt là Long Đức Điện không có bậc cấp lên xuống phía trước còn Chiêu Kính Điện thì có 3 bậc, có lẽ đây là sự khác biệt dễ nhận biết nhất giữa hai công trình này (hình 9).



Hình 9. Sự tương đồng giữa cấu tạo nền móng Long Đức Điện và Chiêu Kính Điện.

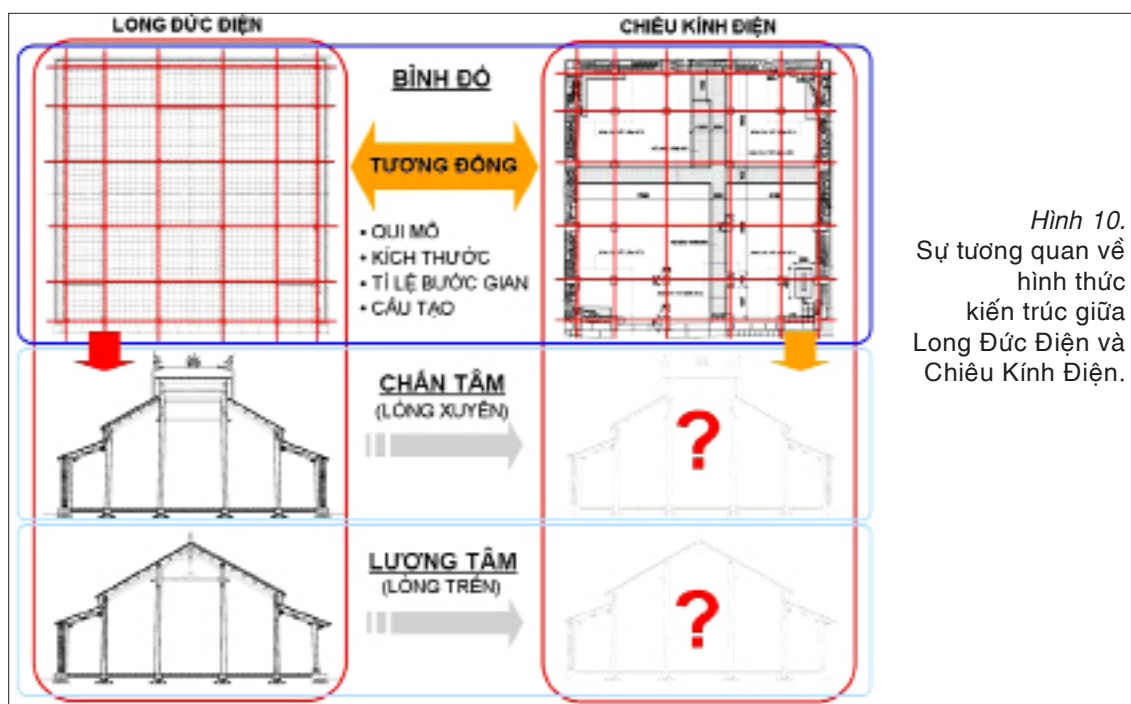
cũng là lớp gia cố có tác dụng giữ cho vị trí các chân đá tán ổn định, lớp cát vàng bên dưới là lớp chịu tải được bó chặt bằng 4 mặt móng bó vữa. Kỹ thuật gia cố nền này cũng hoàn toàn giống với Long Đức Điện.

Nhìn chung, nền móng của Chiêu Kính Điện hoàn toàn giống với công trình hiện tồn là Long Đức Điện từ trục hướng công trình, kỹ thuật xây dựng, quy mô, cấu tạo, và sự bố trí các viên đá tán trên không gian mặt bằng được xác định là đặc trưng của thể loại kiến trúc “Phương gia” (Nhà vuông). Đây là **cơ sở thứ hai (II)** về thể loại kiến trúc (**đồng chủng**) và kỹ thuật xây dựng (**đồng kỹ thuật**) cho việc nghiên cứu tái thiết Chiêu Kính Điện (hình 10, 11).

3. Phân tích đối sánh giữa Chiêu Kính Điện, Mục Tư Điện và Long Đức Điện

Chiêu Kính Điện có kích thước chính gian là 3.296mm (=7,77 xích), thứ gian là 2.782mm (=6,56 xích), chái là 2.020mm (=4,76 xích), tỷ lệ giữa các khoảng gian là: Chính gian/Thứ gian/Chái = 1/0.844/0.612; Mục Tư Điện có kích thước chính gian là 3.278mm (=7,73 xích), thứ gian là 2.750mm (=6,48 xích), chái là 1.952mm (=4,6 xích), tỷ lệ giữa các khoảng gian là: Chính gian/

Về kỹ thuật gia cố nền, theo kết quả khảo sát cho thấy: Dưới lớp đất mùn dày 0,1m là lớp đất laterit đầm chặt dày 0,19-0,20m, tiếp đến là lớp cát vàng sạch hạt lớn dày 0,71m (chia thành 3 lớp mỗi lớp dày khoảng 0,17-0,18m, giữa các lớp này là một lớp đất sét mỏng dày 0,04m đầm chặt), phía dưới còn có nhiều lớp cát và đất sét đầm chặt khác. Như vậy, theo nhận định của chúng tôi thì lớp đất laterit đầm chặt là lớp lót nền để lát gạch Bát Tràng đồng thời



Hình 10.
Sự tương quan về
hình thức
kiến trúc giữa
Long Đức Điện và
Chiêu Kính Điện.



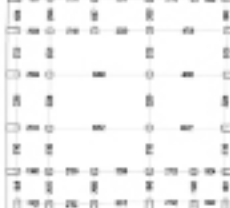
Hình 11. Hình thức kiến trúc và cấu tạo hệ khung gỗ công trình Long Đức Điện

Thứ gian/Chái = $1/0.838/0.595$; Long Đức Điện có kích thước chính gian là 3.264mm (=7,69 xích), thứ gian là 2.735mm (6,45 xích), chái là 1.950mm (4,6 xích), tỷ lệ giữa các khoảng gian là: Chính gian/Thứ gian/Chái = $1/0.837/0.597$. Làm tròn thì tỷ lệ bước gian của cả 3 công trình này sẽ là: $1/0.84/0,6$ (hình 12).

Chiêu Kính Điện có kích thước tổng gian là 12.639mm (=29,83 xích), kích thước nền là 13.912 (=32,83 xích), tỷ lệ giữa Tổng gian/Nền là: $1/1.100$; Mục Tư Điện có kích thước tổng gian là 12.682mm (=29,91 xích), kích thước nền là 13.854 (=32,67 xích), tỷ lệ Tổng gian/Nền là: $1/1.092$; Long Đức Điện có kích thước tổng gian là 12.567mm (=29,64 xích), kích thước nền là 13.763mm (=32,46 xích), tỷ lệ giữa Tổng gian/Nền là: $1/1.095$, làm tròn thì tỷ lệ này sẽ là $1/1.1$ (hình 12).

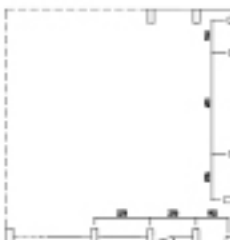
Như vậy, khi dùng phương pháp quy đồng mẫu số (với mẫu số chung là kích thước Chính gian và Tổng gian) thì cả 3 công trình Chiêu Kính Điện,

TỈ LỆ BƯỚC GIAN CHIÊU KÍNH ĐIỆN



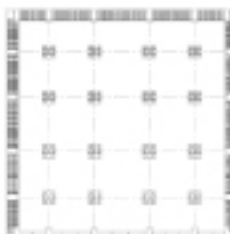
Chính gian	Thứ gian	Chái	Tổng gian	Nền
3.298	2.782	2.020	12.639	13.912
3.298	3.298	3.298	12.639	12.639
II	II	II	II	II
(1)	(0.844)	(0.612)	(1)	(1.100)
II	II	II	II	II
(1)	(0.84)	(0.60)	(1)	(1.10)

TỈ LỆ BƯỚC GIAN MỤC TƯ ĐIỆN



Chính gian	Thứ gian	Chái	Tổng gian	Nền
3.278	2.750	1.952	12.682	13.854
3.278	3.278	3.278	12.682	12.682
II	II	II	II	II
(1)	(0.838)	(0.595)	(1)	(1.092)
II	II	II	II	II
(1)	(0.84)	(0.60)	(1)	(1.10)

TỈ LỆ BƯỚC GIAN LONG ĐỨC ĐIỆN



Chính gian	Thứ gian	Chái	Tổng gian	Nền
3.264	2.735	1.950	12.567	13.783
3.264	3.264	3.264	12.567	12.567
II	II	II	II	II
(1)	(0.837)	(0.597)	(1)	(1.095)
II	II	II	II	II
(1)	(0.84)	(0.60)	(1)	(1.10)

Hình 12. Đối sánh tỷ lệ bước gian giữa Chiêu Kính Điện-Mục Tư Điện-Long Đức Điện.

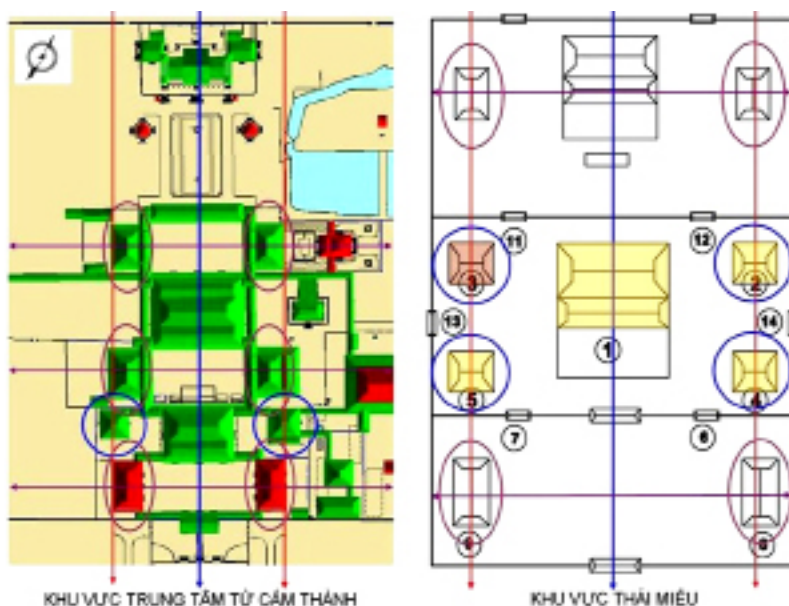
tái thiết hệ khung gỗ của Chiêu Kính Điện.

4. Phân tích nguyên tắc quy hoạch mặt bằng tổng thể

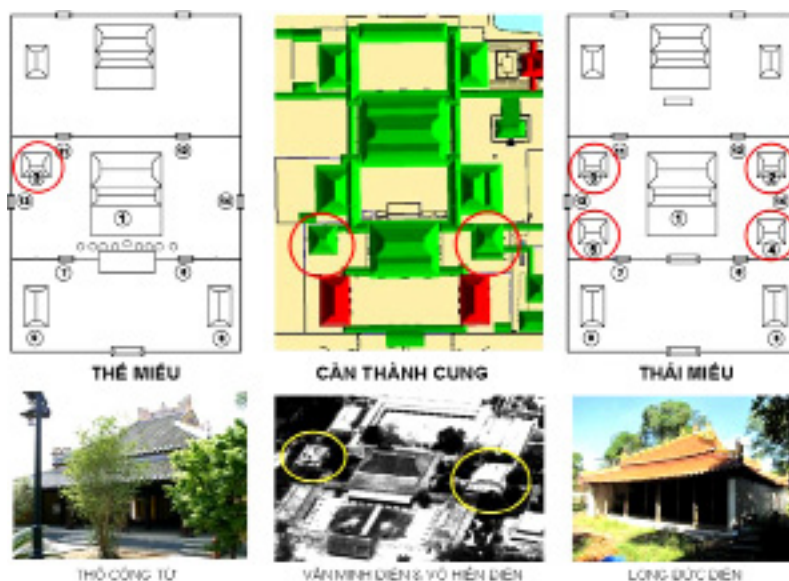
Xét về phương diện quy hoạch mặt bằng tổng thể, ngoài nguyên tắc quy hoạch đối xứng trục giao tuyến (các trục phụ cắt ngang qua trục chính) ở các cụm kiến trúc quan trọng như: Càn Chánh Điện, Càn Thành Điện, Khôn Thái Điện, khu vực tắm điện ở các lăng v.v... theo quy thức “Tứ hợp viện” (4 đơn nguyên cấu thành 1 cụm), còn có nguyên tắc đối xứng trục song tuyến (các trục phụ được bố trí hai bên song song đối xứng qua trục chính và đồng hướng với trục chính) ở các cụm kiến trúc như: Thế Tổ Miếu, Càn Chánh Điện, Thái Tổ Miếu v.v... theo quy thức “Đa hợp viện” (nhiều đơn nguyên cấu thành 1 cụm). Như vậy, trường hợp 4 công trình nhà vuông (Phượng gia) là Tả Phương Đường/Long Đức Điện - Hữu Phương Đường/Thổ Công Từ, Tả Tế Sở/Chiêu Kính Điện - Hữu Tế Sở/Mục Tư Điện là các cặp công trình đồng dạng được phối trí trên 2 trục phụ theo nguyên tắc đối xứng trục song tuyến qua trục chính của Thái Tổ Miếu và Tuy Thành Các (công trình phía trước cùng trục với Thái Tổ Miếu), 6 công trình này cấu thành một cụm kiến trúc theo quy thức “Đa hợp viện” là cấu trúc cơ bản của nguyên tắc quy hoạch ở khu vực Thái Tổ Miếu (hình 13). Đây là **cơ sở thứ tư (IV)** về quy hoạch mặt bằng tổng thể (**đồng trục**) cho việc nghiên cứu tái thiết Chiêu Kính Điện.

Mục Tư Điện và Long Đức Điện đều có tỷ lệ bước gian giống nhau là: Chính gian/Thứ gian/Chái = 1/0.84/0.6; tỷ lệ kích thước Tổng gian/Nền = 1/1.1, từ đó có thể suy ra kích thước thiết kế ban đầu của 3 công trình này là: Chính gian = 7,7 xích (3.265mm), thứ gian = 6,5 xích (2.756mm), chái = 4.6 xích (1.950mm), tổng nền = 29,9 xích (12.678mm), nền = 29,9x1.1 = 32,89 xích (13.945mm).

Những phân tích ở trên cho thấy: Kích thước nền, tổng gian và tỷ lệ giữa các khoảng gian của cả 3 công trình Chiêu Kính Điện, Mục Tư Điện và Long Đức Điện là hoàn toàn tương đồng. Đây là **cơ sở thứ ba (III)** về quy mô (**đồng quy mô**) và tỷ lệ kiến trúc (**đồng thức**) cho việc nghiên cứu



Hình 13. Nguyên tắc đối xứng trục song tuyến và trục giao tuyến trong quy hoạch mặt bằng tổng thể.



Hình 14. Sự hiện diện của các công trình đồng dạng theo thức "Phương gia" trong khu vực Hoàng Thành Huế.

Minh Điện và Võ Hiển Điện (Càn Thành Cung) có tỷ lệ bước gian là: Chính gian/Thứ gian/Chái = 9,8 xích/8,5 xích/5,5 xích = 1/0.86/0.6; tỷ lệ Tổng gian/Nền = 37,8 xích/40,44 xích = 1/1.07; Thổ Công Từ (Thế Miếu) có tỷ lệ bước gian là: Chính gian/Thứ gian/Chái = 8,5 xích/7,3 xích/5,2 xích = 1/0.86/0.6; tỷ lệ Tổng gian/Nền = 33,5 xích/35,84 xích = 1/1.07 (hình 15).

Tuy nhiên xét về quy mô thì nhóm công trình thuộc Thái Miếu có quy mô nhỏ nhất (tổng gian = 29,9 xích); nhóm công trình thuộc Thế Miếu có quy

5. Sự tương đồng và dị biệt giữa Long Đức Điện và Chiêu Kính Điện

Các công trình theo thể loại kiến trúc "Phương gia" trong khu vực Hoàng Thành khảo sát được gồm 7 công trình (hình 14). Xét về thể loại và hình thức kiến trúc thì các công trình này hoàn toàn tương đồng (mặt bằng hình vuông, bộ vì 6 hàng cột, mái 2 tầng 8 mái v.v...), tuy nhiên xét về tỷ lệ, quy mô kiến trúc và tổ chức không gian nội ngoại thất thì có những dị biệt nhất định.

5.1. Sự khác biệt về tỷ lệ và quy mô kiến trúc

Nhóm công trình đồng thức thứ nhất là Long Đức Điện, Chiêu Kính Điện và Mục Tư Điện (Thái Miếu) có tỷ lệ bước gian là: Chính gian/Thứ gian/Chái = 7,7 xích/6,5 xích/4,6 xích = 1/0.84/0.6; tỷ lệ Tổng gian/Nền = 29,9 xích/32,89 xích = 1/1.1 (hình 15).

Nhóm công trình đồng thức thứ hai là: Văn

		TỈ LỆ BƯỚC GIAN THỔ CÔNG TỪ (THẾ MIẾU)				
		Chính gian	Thờ gian	Chái	Tổng gian	Nền
		3.504	3.004	2.205	14.192	15.224
		3.594	3.594	3.594	14.182	14.182
	II	II	II	II	II	II
	(1)	(0.860)	(0.613)	(1)	(1.072)	
	III	II	II	II	II	II
	(1)	(0.86)	(0.60)	(1)	(1.07)	

		TỈ LỆ BƯỚC GIAN VĂN MINH ĐIỆN & VÕ HIỂN ĐIỆN (CÀN THÀNH CUNG)				
		Chính gian	Thờ gian	Chái	Tổng gian	Nền
		4.154	3.607	2.340	16.048	17.184
		4.154	4.154	4.154	16.048	16.048
	II	II	II	II	II	II
	(1)	(0.868)	(0.563)	(1)	(1.071)	
	III	II	II	II	II	II
	(1)	(0.86)	(0.60)	(1)	(1.07)	

Hình 15. Đối sánh tỷ lệ bước gian giữa Thổ Công Từ-Thế Miếu và Văn Minh/Võ Hiển Điện-Càn Thành Cung.

NHÓM ĐỒNG THỨC (I)
(CÙNG QUI MÔ)

Chính gian/Thờ gian/Chái = 1/0.84/0.6
 Tổng gian/Kích thước Nền = 1/1.1
 Qui mô tổng gian: **29,9 xích** (12,678 m)
 • Long Đức Điện (Thái Miếu)
 • Chiêu Kinh Điện (Thái Miếu)
 • Mục Tư Điện (Thái Miếu)

NHÓM ĐỒNG THỨC (II)
(KHÁC QUI MÔ)

Chính gian/Thờ gian/Chái = 1/0.86/0.6
 Tổng gian/Kích thước Nền = 1/1.07
 Qui mô tổng gian: **33,5 xích** (14,204 m)
 • Thổ Công Từ (Thế Miếu)
 Qui mô tổng gian: **37,8 xích** (16,048 m)
 • Văn Minh Điện (Càn Thành Cung)
 • Võ Hiển Điện (Càn Thành cung)

Hình 16. Sự tương đồng và dị biệt giữa các nhóm đồng thức kiến trúc “Phương gia” trong khu vực Hoàng Thành.

thất nếu so sánh với 2 công trình Văn Minh Điện và Võ Hiển Điện.

Đối với nhóm công trình thuộc Thái Miếu mà cụ thể là Long Đức Điện, Chiêu Kinh Điện và Mục Tư Điện, cùng chức năng là nơi thiết soạn lễ vật trong dịp cúng tiên đế và tiên hậu, tuy nhiên Long Đức Điện thì dành riêng cho Chúa Tiên Nguyễn Hoàng và hoàng hậu, còn Chiêu Kinh Điện và Mục Tư Điện dành cho 8 vị chúa còn lại và các hoàng hậu. Có thể chính vì lẽ đó mà sân trước Chiêu Kinh Điện được lát gạch Bát Tràng thông thường (Thiết chuyên) và cốt sân có thấp hơn so với sân trước Long Đức Điện được lát bằng đá Thanh

mô vừa (tổng gian = 33,5 xích) và nhóm công trình thuộc Càn Thành Cung có quy mô lớn nhất (tổng gian = 37,8 xích). Như vậy, có 2 khả năng về sự tương đồng và dị biệt: Một là, đồng tỷ lệ và đồng quy mô; hai là, đồng tỷ lệ và khác quy mô (hình 16).

5.2. Sự khác biệt về tổ chức không gian nội ngoại thất

Đối với nhóm công trình thuộc Càn Thành Cung là Văn Minh Điện và Võ Hiển Điện, quan sát qua ảnh tư liệu cổ (hình 14) thì sự khác biệt về không gian ngoại thất rất rõ nét, Văn Minh Điện có hình thức cổ lâu phía trước và hiên bao quanh còn Võ Hiển Điện thì không, hơn nữa sự khác biệt về tính chất Văn/Võ sẽ dẫn đến sự khác biệt về bố trí không gian nội thất. Cũng vậy, sự khác biệt về chức năng của Thổ Công Từ (Thế Miếu) sẽ dẫn đến sự khác biệt về bố trí không gian nội ngoại

(Thanh thạch). Mặt khác, Long Đức Điện là nơi thiết soạn lễ vật cho vị chúa đầu tiên nên chỉ có thể bày biện 1 án thờ, trong lúc đó Chiêu Kính Điện và Mục Tư Điện là nơi thiết soạn lễ vật cho 8 vị chúa nên ở mỗi công trình cần bày biện 4 án thờ. Đây cũng là một khác biệt quan trọng được sử liệu ghi chép cụ thể.

Như vậy, ở đây có 2 khả năng về sự tương đồng và dị biệt là: Một là, đồng thức, đồng quy mô và tương đồng về tổ chức không gian nội ngoại thất (trường hợp Chiêu Kính Điện và Mục Tư Điện); hai là, đồng thức, đồng quy mô và dị biệt về tổ chức không gian nội ngoại thất (trường hợp Long Đức Điện và Chiêu Kính Điện).

5.3. Sự khác biệt về hình thức trang trí và vật liệu lợp mái

Một trường hợp tiêu biểu nhất được sử liệu nhắc đến là: “... bên tây cùng đối diện với Chiêu Kính Điện là Mục Tư Điện, mái chồng, lợp ngói lưu ly vàng, hướng nam. Phía bắc Mục Tư Điện có nhà vuông, mái chồng lợp ngói âm dương làm chỗ thờ thổ công ...” (KĐĐNHĐSL, Công Bộ, quyển 207). Theo đó, tuy là công trình đồng đại, đồng dạng và đồng thức trong 1 cụm kiến trúc thuộc Thái Miếu, nhưng Thổ Công Từ được quy định có đẳng cấp thấp hơn nên

được lợp ngói Âm-Dương thay vì lợp ngói Hoàng lưu ly như các công trình khác. Đây là dấu hiệu dị biệt để phân cấp công trình thường gặp trong kiến trúc cung điện Nguyễn.

Với những khả năng về sự tương đồng dị biệt giữa các công trình kiến trúc “Phương gia” nêu trên có thể đi đến kết luận rằng: Sự dị biệt giữa hai công trình Long Đức Điện và Chiêu Kính Điện chỉ có thể xảy ra là sự khác biệt về tổ chức không gian nội ngoại thất, cách thiết soạn lễ vật trong những dịp cúng tế hoặc một vài chi tiết trang trí (hình 17).



Hình 17. Sự tương đồng và dị biệt giữa Chiêu Kính Điện và Long Đức Điện.

6. Lý luận tái thiết

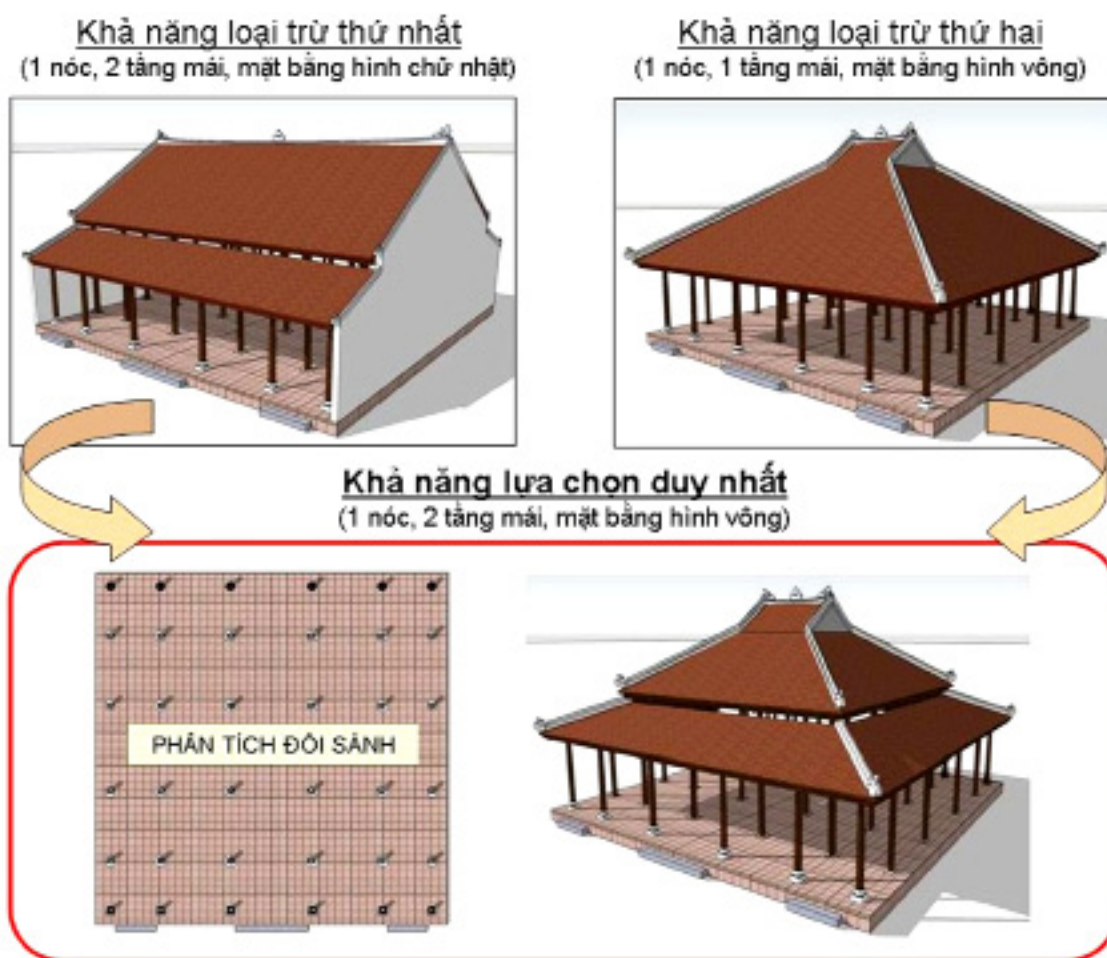
Như vậy, dựa trên những căn cứ về đồng đại (cùng năm xây dựng), đồng đẳng (chức năng giống nhau), đồng dạng (cùng hình thức kiến trúc) của **cơ sở thứ nhất (I)** từ thông tin sử liệu; đồng chủng (cùng thể loại kiến trúc Phương gia) của **cơ sở thứ hai (II)** từ kết quả khảo cổ học; đồng quy mô (cùng kích thước tổng gian) và đồng thức (cùng tỷ lệ bước gian) của **cơ sở thứ ba (III)** từ kết quả phân tích đối sánh; đồng trục (cùng bố trí trên 1 trục) của **cơ sở thứ tư (IV)** từ thông tin sử liệu và sự kiểm chứng thông qua kết quả khảo cổ học như đã nêu trên, dùng phương pháp loại suy để đưa ra các khả năng về quy thức của Chiêu Kính Điện như sau:

6.1. Khả năng loại trừ thứ nhất: Những công trình kiến trúc 1 nóc (Đơn đồng thức kiến trúc) có 2 tầng mái, nhưng không phải thể loại kiến trúc

Phương gia.

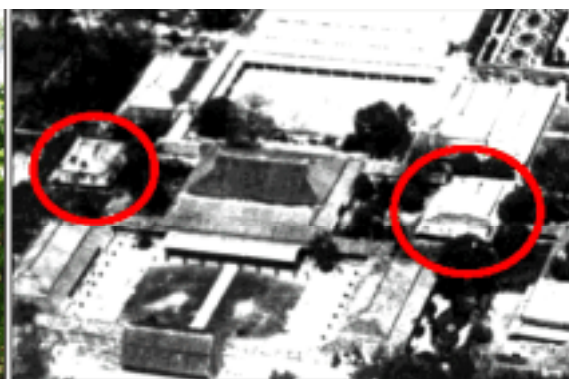
6.2. *Khả năng loại trừ thứ hai*: Những công trình kiến trúc 1 nóc (Đơn đồng thức kiến trúc), có thể loại kiến trúc Phương gia nhưng chỉ có 1 tầng mái.

6.3. *Khả năng lựa chọn*: Như vậy, chỉ còn 1 khả năng duy nhất về Chiêu Kính Điện có thể thỏa mãn các điều kiện của cơ sở lập luận (I), (II), (III) và (IV) nêu trên là: Công trình được bố trí trên trục đối xứng song tuyến qua kiến trúc chính, có thể loại kiến trúc Phương gia (nhà vuông), đơn đồng thức kiến trúc (nhà 1 nóc), bộ vì 6 hàng cột, 1 gian 2 chái kép, chia làm 2 tầng mái thượng-hạ gồm 8 mái. Với khả năng lựa chọn này thì Chiêu Kính Điện về cơ bản sẽ hoàn toàn giống Long Đức Điện (hình 18).



Hình 18. Phân tích loại suy hình thức kiến trúc Chiêu Kính Điện.

Các công trình theo thể loại này hiện tồn trong khu vực Hoàng Thành khảo sát được bao gồm: Long Đức Điện, Chiêu Kính Điện, Mục Tư Điện (Thái Miếu); Thổ Công Từ (Thế Miếu - hình 19), và Văn Minh Điện và Võ Hiển Điện (Cần Thành Cung - hình 20). Trong đó chỉ có Long Đức Điện và Thổ Công Từ là 2 công trình còn nguyên vẹn, các công trình khác chỉ còn lại nền móng hoặc một phần của phế tích nền móng. Ngoài sự đồng dạng và đồng chủng, các công



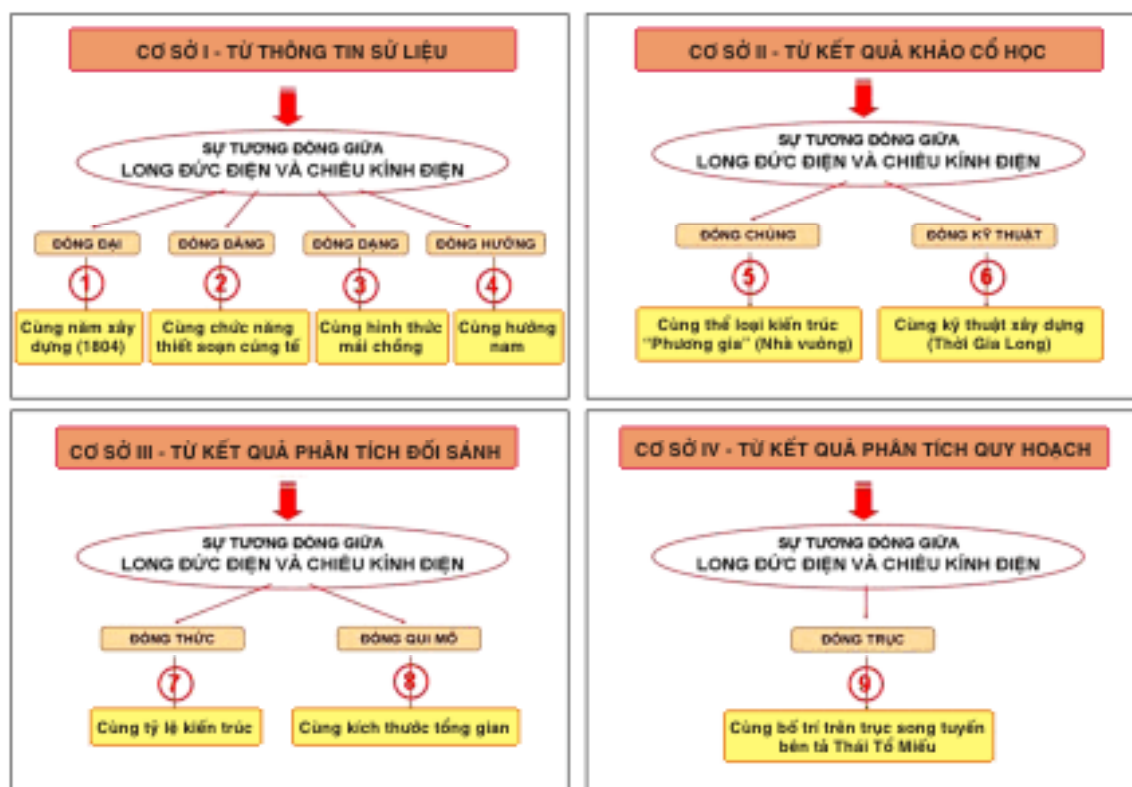
Hình 19. Thổ Công Từ (Thế Miếu)

Hình 20. Văn Minh và Võ Hiến Điện (Càn Thành Cung)

trình này còn có 1 điểm chung nữa là đều được phối trí theo nguyên tắc đối xứng trục song tuyến. Như vậy, khả năng Chiêu Kính Điện thuộc dạng này là hợp lý.

Cũng từ nguyên tắc quy hoạch mặt bằng tổng thể ở khu vực Thái Miếu cho thấy, 4 công trình nhà vuông trong đó có Chiêu Kính Điện đã được quy hoạch ngay từ khi khởi dựng Thái Miếu dưới thời Gia Long (1804). Hiện nay chỉ duy nhất Long Đức Điện là còn nguyên vẹn, Chiêu Kính Điện và Mục Tư Điện chỉ còn lại phế tích nền móng, Thổ Công Từ thì chưa có điều kiện khảo sát.

Dựa trên 4 cơ sở lập luận nêu trên (hình 21) có thể đi đến kết luận: Chiêu Kính Điện và Long Đức Điện là cặp công trình nằm trên trục phụ bên tả của



Hình 21. Các cơ sở lập luận về sự tương đồng giữa Chiêu Kính Điện và Long Đức Điện.

Thái Tổ Miếu và đồng hướng với Thái Tổ Miếu, đối xứng với nó qua trục của Thái Tổ Miếu là Mục Tư Điện và Thổ Công Từ. Hai công trình này đồng đại (cùng năm xây dựng), đồng đẳng (chức năng tương đồng), đồng dạng (cùng hình thức kiến trúc), đồng chủng (cùng thể loại Phương gia), đồng kỹ thuật (cùng kỹ thuật xây dựng), đồng thức (cùng tỷ lệ bước gian) và đồng trục (cùng bố trí trên 1 trục). Do đó, hình thức kiến trúc của Long Đức Điện và Chiêu Kính Điện về cơ bản là giống nhau, chỉ có một vài sự khác biệt về tổ chức không gian nội ngoại thất và các họa tiết trang trí.

IV. Sự đúc kết phương pháp luận nghiên cứu tái thiết

1. Nguyên tắc chung

Phục hồi một phương pháp thiết kế kiến trúc nguyên bản của triều Nguyễn vào đầu thế kỷ 19 thông qua dự án tái thiết công trình Chiêu Kính Điện (1804, thời Gia Long) dựa trên kết quả nghiên cứu trùng tu và hình mẫu của công trình Long Đức Điện - Thái Miếu, Hoàng Thành Huế. Lấy phế tích nền móng hiện còn của Chiêu Kính Điện làm cơ sở thực tiễn, kết hợp phương pháp nghiên cứu đa ngành: Nghiên cứu lịch sử, khảo cổ học, kiến trúc, xây dựng; Phương pháp luận nghiên cứu tái thiết dựa trên cơ sở phân tích đối sánh đồng đại, đồng đẳng, đồng dạng, đồng chủng và đồng thức đối với các công trình kiến trúc hiện còn để phục hồi bản vẽ thiết kế công trình Chiêu Kính Điện.

2. Quan điểm tái thiết

Di sản kiến trúc là một thực thể sống với ba thể tồn tại: Quá khứ - Hiện tại - Tương lai. Đối với những di sản kiến trúc đã bị mất như công trình Chiêu Kính Điện, quá khứ của di sản là bản gốc đã được tạo nên trong quá khứ; hiện tại của di sản là phế tích nền móng hay những chứng tích vật chất chứng minh sự hiện hữu của nó trong quá khứ; tương lai của nó là công trình Chiêu Kính Điện được tái thiết dựa trên kết quả nghiên cứu, sự ứng dụng phương pháp luận và công nghệ tái thiết một cách khoa học, đó là phiên bản mới của di sản.

3. Quy trình nghiên cứu tái thiết

Quy trình nghiên cứu tái thiết này là sự đúc kết bước đầu của chương trình hợp tác nghiên cứu tái thiết quần thể di sản kiến trúc Huế giữa Đại học Waseda - Nhật Bản và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế thông qua thực tiễn 15 năm hợp tác nghiên cứu. Quy trình này bao gồm 6 lĩnh vực hoạt động được chia làm 2 giai đoạn:

3.1. Giai đoạn thứ nhất (Quy trình A): Nghiên cứu nguyên lý

A1. Nghiên cứu đa ngành: Xác định các lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến sự hình thành di sản, trong đó bao gồm: Nghiên cứu lịch sử, khảo cổ học, kỹ thuật xây dựng, kiến trúc, mỹ thuật và văn hóa học. Kết quả nghiên cứu từ các hướng tiếp cận này phải được phân tích và tổng hợp thành hệ thống cơ sở dữ liệu, có thể xem đây là thông tin mẫu số về di sản.

A2. Thiết lập phương pháp luận: Thiết kế quy trình giải mã các dữ liệu cơ sở về di sản từ đó xác định tử số của từng di sản kiến trúc cần tái thiết

trên nền mẫu số đã được thiết lập, mấu chốt quy trình giải mã sẽ tùy thuộc tính chất và loại hình di sản. Cụ thể ở đây đối tượng cần tái thiết là di sản kiến trúc thì mấu chốt vấn đề sẽ đặt trọng tâm ở nội dung nghiên cứu lịch sử công nghệ kiến trúc (trong đó bao gồm các vấn đề chủ yếu về nguyên lý thiết kế kiến trúc và công nghệ xây dựng) và nội dung nghiên cứu khảo cổ học kiến trúc (nhằm truy tìm các chứng cứ vật chất liên quan đến sự tồn tại và các yếu tố gen gốc của di sản).

A3. Phản biện hội đồng: Công tác thẩm định chuyên môn nhằm soi rọi phương pháp luận và sản phẩm nghiên cứu tái thiết từ nhiều góc độ, bổ khuyết nhằm góp phần hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu tái thiết, kiểm chứng tính chân xác của các nguồn tư liệu và kết luận tính khả thi của sản phẩm nghiên cứu tái thiết. Sự phản biện này không nên chỉ dừng lại ở hội đồng có chất lượng chuyên môn cao mà cần mở rộng thành sự phản biện xã hội (nếu cần thiết).

A4. Tư liệu hóa di sản: Bảo tồn di sản không chỉ là hoạt động gìn giữ những vật di sản còn đó mà còn là sự gìn giữ những khái niệm, hình ảnh, thông tin liên quan đến di sản. Tư liệu hóa di sản chính là việc xác lập lý lịch và hồ sơ khoa học cho di sản. Giấy khai sinh và lý lịch tu bổ của di sản thường được xác lập dựa vào thông tin sử liệu, đó cũng là một loại hình di sản cần được bảo tồn; Hồ sơ khoa học của di sản là những tài liệu về thông số kỹ thuật, hồ sơ bản vẽ kiến trúc cần thiết cho hoạt động kiến thiết di sản, đây chính là tài sản khoa học công nghệ quý giá của quá khứ được truyền lại cho đến ngày nay thông qua lịch sử và sẽ là nguồn gen gốc cho công cuộc bảo tồn tái thiết di sản.

3.2. Giai đoạn thứ hai (Quy trình B): Nghiên cứu ứng dụng

B1. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ: Nền tảng công nghệ đã sản sinh ra di sản chính là đối tượng cần được nghiên cứu giải mã và ứng dụng, hay nói cách khác đó chính là kỹ thuật và tập quán xây dựng truyền thống đang được tiếp tục một cách thâm lặng, khiêm tốn và bền bỉ bên cạnh sự ô ạt và hoành tráng về thiết bị của công nghệ xây dựng hiện đại. Việc giải mã và ứng dụng kỹ thuật xây dựng truyền thống sẽ là vấn đề mấu chốt trong việc gìn giữ giá trị nguyên bản và tính chân xác trong công tác bảo tồn trùng tu di tích, góp phần quan trọng gìn giữ hoặc tái tạo phần hồn của di sản.

B2. Thực thi tái thiết: Về cơ bản, đây là hoạt động xây dựng kiến trúc theo bản vẽ thiết kế được xác lập thông qua hoạt động nghiên cứu nguyên lý (Quy trình A) nêu trên. Sự khác biệt quan trọng với hoạt động xây dựng cơ bản hiện nay là: Ưu tiên sử dụng kỹ thuật và vật liệu truyền thống trong việc kiến thiết hình hài di sản kiến trúc, có thể ứng dụng công nghệ và thiết bị hiện đại nhằm giải quyết các điểm yếu thuộc về bản chất một khi kỹ thuật xây dựng truyền thống không thỏa mãn được các yêu cầu kỹ thuật để đảm bảo sự tồn tại bền vững và sự tiện dụng của công trình kiến trúc di sản được tái thiết. Có thể xem công trình kiến trúc di sản được tái thiết là phiên bản mới của di sản được

tái tạo dựa trên nguồn gen gốc của di sản đó. Ở một chừng mực nhất định, một khi mà các yếu tố cấu thành di sản chưa được xác minh đầy đủ, thì sản phẩm tái thiết chỉ có thể được xem là mô hình nghiên cứu thực nghiệm tỷ lệ 1/1 và có thể được hiệu chỉnh qua thời gian khai thác sử dụng.

Huế, tháng 08 năm 2014

L V A - N T B

CHÚ THÍCH

- (1) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập XIII, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 99.
- (2) Như trên, tr.71.
- (3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập III, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Sử học, 1963, tr. 212.
- (4) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tr. 99.
- (5) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập XIII, Sdd, tr.98.
- (6) Tả Tùng Tự thờ 4 vị công thần trong Hoàng tộc gồm: Tôn Thất Khê, Tôn Thất Hiệp, Tôn Thất Hạo và Tôn Thất Đồng. Hữu Tùng Tự thờ các vị: Nguyễn Ứ Kỷ, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Kính, Nguyễn Hữu Dật và Nguyễn Cư Trinh, đây đều là những người có công lớn đối với các chúa.
- (7) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập IV, Sdd, tr.193.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập III, tập IV (tr.193,194, 370).
- (9) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập V, Sdd, tr. 71.
- (10) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập VI, Sdd, tr. 183.
- (11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập X, Sdd, tr. 119.
- (12) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập XIII, Sdd, tr. 99
- (13) Như trên, tr. 99.
- (14) Như trên, tr. 99.
- (15) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập XI, Sdd, tr. 36.
- (16) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập XIII, Sdd, tr. 99.
- (17) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập XII, Sdd, tr. 43.
- (18) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập XIII, Sdd, tr. 100.
- (19) Như trên, tr.100.
- (20) Như trên, tr.100.
- (21) Như trên, tr.100.
- (22) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập XXXVI, Sdd, tr. 209.
- (23) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập III, Sdd, tr. 212.
- (24) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập XIII, Sdd, tr. 99.
- (25) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập XIII, Sdd, tr. 71.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Trùng tu di tích Long Đức Điện (Thái Miếu-Hoàng Thành Huế) từ năm 2008-2014 của Giáo sư Shirai Hiroyasu, Viện Công nghệ - Đại học Monostukuri, Nhật Bản (thuộc chương trình hợp tác nghiên cứu bảo tồn di tích Huế giữa Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và Viện Di sản Thế giới của UNESCO, Đại học Waseda, Nhật Bản).
2. Kết quả nghiên cứu khảo sát phế tích nền móng di tích Chiêu Kinh Điện năm 2010 của Viện Công nghệ - Đại học Monostukuri, Nhật Bản.

3. Kết quả nghiên cứu khảo sát các di tích trong khu vực Hoàng Thành Huế của Viện Di sản Thế giới UNESCO, Đại học Waseda, Nhật Bản từ năm 1996-2010.
4. Kết quả thám sát khảo cổ học nền móng Chiếu Kính Điện tháng 5/2011 của Trung tâm BTDT Cổ đô Huế.

TÓM TẮT

Bài viết nhằm giới thiệu công tác nghiên cứu tái thiết (Re-construction study) công trình Chiếu Kính Điện, tọa lạc trong khu vực Thái Miếu - Hoàng Thành Huế. Công trình này được xây dựng vào năm 1804 dưới thời Gia Long, hiện nay phần mái và hệ khung gỗ đã bị mất, chỉ còn lại phế tích nền móng. Dựa trên kết quả nghiên cứu trùng tu công trình đồng dạng và đồng đại là Long Đức Điện (công trình hiện còn) kết hợp với phương pháp nghiên cứu đa ngành để xây dựng lại bản vẽ thiết kế nguyên bản của công trình Chiếu Kính Điện. Đây là sự đúc kết phương pháp luận và quy trình nghiên cứu tái thiết những di sản kiến trúc bị mất (thuộc chương trình hợp tác nghiên cứu bảo tồn quần thể di sản kiến trúc Huế giữa Đại học Waseda - Nhật Bản và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế). Hoạt động nghiên cứu tái thiết này sẽ cung cấp một sự hướng dẫn tốt cho công tác trùng tu và tái thiết di sản kiến trúc ở Việt Nam nói chung và ở Huế nói riêng, góp phần định hướng xây dựng dự án trùng tu phục hồi tổng thể khu vực Thái Miếu đúng với nguyên bản quy hoạch kiến trúc giai đoạn đầu của triều Nguyễn.

ABSTRACT

RE-CONSTRUCTION STUDY OF CHIẾU KÍNH TEMPLE (IMPERIAL ANCESTRAL TEMPLE - CITADEL OF HUẾ)

The article introduces the re-construction study of Chiếu Kính Temple located in the area of Thái Miếu (Imperial Ancestral Temple - Citadel of Huế). This building was built in 1804 under the reign of Emperor Gia Long; the roof and the wooden frame was damaged, only the foundation remains to this day. The original design drawings of Chiếu Kính Temple was restored basing on research results of the restoration of Long Đức Temple (still intact) - a congruent and contemporary building - combining with multi-disciplinary research methods. The work is the connection between the methodology and the process of reconstruction research of lost architectural heritage (in the cooperative program of conserving the complex of Huế monuments between Waseda University - Japan and Huế Monuments Conservation Center). This reconstruction research will provide a good instruction for the restoration and reconstruction of architectural heritages in Vietnam in general and in Huế in particular, and contribute to the orientation of building restoration project for overall area of Thái Miếu corresponding to the original of its architectural planning in the initial period of the Nguyễn Dynasty.

PHỤ LỤC

HÌNH ẢNH THI CÔNG TÁI THIẾT CÔNG TRÌNH CHIẾU KÍNH ĐIỆN



Ảnh 1. Thi công tu bổ nền móng.



Ảnh 2. Tu bổ, tái định vị chân đá tảng.



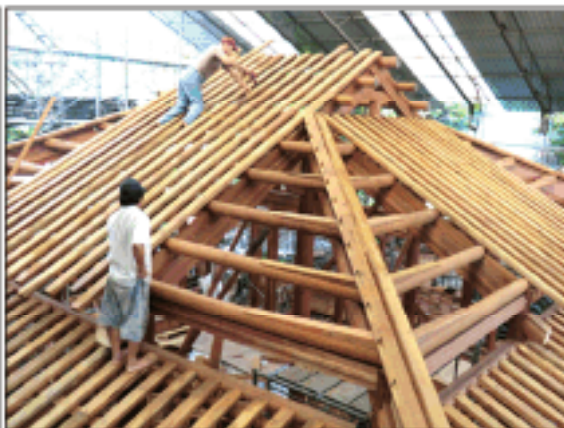
Ảnh 3.
Gia công chế tác cột.



Ảnh 4.
Thi công lắp dựng hệ khung gỗ.



Ảnh 5.
Hoàn thiện lắp dựng hệ khung gỗ.



Ảnh 6.
Lắp dựng hệ giàn mái.



Ảnh 7.
Kỹ thuật gẩy và lợp ngói Hoàng lưu ly.



Ảnh 8.
Chiêu Kính Điện sau khi hoàn thành.